



## Bên Bờ Biển Chết

(Shikai no hotori, 1973)

Nguyên tác: Endo Shusaku

Dịch: Nguyễn Nam Trân

*Biển Chết (The Dead Sea)*

- Nếu cậu đòi đi thì ngay cả Bê-Lem (Bethlehem) tôi cũng sẽ ghé đó cho cậu thăm.

Giọng của anh Toda có vẻ như muốn cười cợt cái thánh địa này.

- Ở đó, cũng giống ngọn đồi Gô-gô-tha (Golgotha) thôi. Đằng trước nhà thờ là chỗ con buôn bày đồ ra bán và nơi du khách tụ tập.

Cái tên Bê-Lem dễ thương kia thì ngay đối với một kẻ đã đánh mất niềm tin tôn giáo như tôi cũng thấy nó làm hiện ra trong trí những kỷ niệm của thuở ấu thời, trong đó có cả mô hình chuông chiên máng cỏ được trang trí ở thánh đường vào dịp lễ Giáng Sinh. Trong một ngôi nhà lụp xụp, có những con la, con cừu đang ngắm nhìn Chúa Hài Đồng bé bỏng. Sau lưng họ là lũ mục đồng và các vị đế vương thông thái đi từ phương Đông sụp mình quỳ gối một cách kính cẩn. Mô hình máng cỏ chuông chiên này được đặt trước nhà thờ trước mỗi lễ Giáng Sinh và đám tín đồ khi ghé qua đây đều đến làm dấu thánh giá trước khi vào trong ngôi xuống chỗ của mình. Trẻ con như tôi cũng có lần lẫn lộn vào đám giáo dân và làm cử chỉ giống như họ.

- Trước hết, việc Giê-su sinh ra vào ngày 25 tháng 12 là một điều bịa đặt. Thực sự thì Giê-su đã sinh ra trước cả năm đầu tiên của kỷ nguyên Tây lịch cơ!
- Thế thì truyền thuyết về ngày sinh của Chúa Giê-su làm sao lại có?
- Nhiều lý do lắm. Nguyên lai, trong Thánh Kinh Cựu Ước có chép rằng người cứu dân Do Thái (Israel) sẽ sinh ra từ đất Bê-Lem. Hơn nữa câu chuyện về việc giáng sinh của Chúa Giê-su đã mô phỏng theo nguyên hình chuyện ra đời của người anh hùng Samson cũng như của Isaac, con trai Abraham.

Đó là cách phân tích sự việc của Toda, người bạn xưa kia từng dạy cho tôi phép biến hóa của động từ trong tiếng Đức.

- Ngoài ra, câu chuyện thánh nữ đồng trinh có thể sinh sản được cũng đã mượn điển tích thấy trong các thiên sử thi nói về Hercules và Alexandros. . Cho nên nó không phải là một chuyện hiếm có. Rồi cứ theo kiểu đó mà các hội thánh của đám môn đồ Chúa Giê-su đã tiếp tục dựa lên những lời tiên tri trong Cựu Ước và truyền thuyết về các bậc anh hùng để thần thánh hóa ngài.

Thấy tôi nhắm mắt ngồi im thin thít, Toda lại nói thêm:

- Sao, có đi Bê-Lem không đây?
- Không. Thôi thôi.
- Cậu không đi cũng chả sao. Bởi vì cho dù những truyền thuyết về Bê-Lem không hiện hữu, hình bóng đích thực của Chúa Giê-su vẫn chẳng có gì thay đổi cơ mà.

Lúc chiếc xe của chúng tôi rời đường lớn để bắt đầu chạy trên con lộ ngập trong đám bụi mù của đồng vắng xứ Giu-Đê (Judea) thì những hình ảnh máng cỏ chuông chiên trong trí tôi đã cùng làn gió ẩm và ngai ngái cuốn theo bụi bặm đang từ cửa sổ tràn vào để bay về một chốn xa xôi. Khi qua khỏi ngọn núi Ô-Liu, tôi thấy bên tay phải mình khu phố xá của El Salem đứng sừng sững như một dãy thành quách màu nâu, Tuy nhiên, sau khi những hình ảnh đó biến mất, đột nhiên đã thấy hiện ra ở hai bên đường những ngọn núi nhám thạch nằm rải rác giống như muối rắc đang tắm dưới ánh mặt trời. Bên cạnh một ngọn núi như thế, có anh chàng Ả-Rập tay dắt lạc đà lững thững đi trên đường.

- Ấy chết, có một chuyện tở quên nói!

Như muốn tránh vầng bụi giờ đã dày đến không chịu nổi, anh Toda vừa khép kín cửa sổ, vừa bảo với tôi:

- Cái chuyện người Do Thái bị giam trong trại tập trung Gerzen ấy mà!...Hình như cái Kibbutz (nông trường tập thể) mình sắp đi qua, hãy còn một số người sống sót đang ở đó.
- Cậu đã điều tra hộ tở rồi à?
- Nó chỉ là một cái Kibbutz nhỏ thôi nên tở chưa có dịp ghé. Thế thì tối nay tụi mình thử qua đêm ở đó đi. Có phải cậu cũng đang muốn biết tin tức về "Chuột Nhắt" [1] phải không?
- "Chuột Nhắt" à? Trong suốt cuộc đời, có những người tôi chỉ có duyên được gặp có hai ba lần mà đã để lại dấu ấn sâu sắc khó quên nhưng cũng có vô số người tuy mỗi ngày giáp mặt mà tôi vẫn thấy sự

tồn tại của họ là vô nghĩa. Nghĩ cho cùng, đến ngày nay thì trong màn sương mù của kỷ ức thời đi học, hình ảnh "Chuột Nhắt" chỉ là một bóng cây, tức hình ảnh có cũng được mà không thì cũng chả sao. Thế mà, đột nhiên, giờ đây tôi bắt đầu nhớ lại ông ta. Phải rồi, có cả câu chuyện như thế này đã xảy ra. Hồi đó, tôi đã được Muroto, một anh bạn cùng cư xá, kể cho nghe:

- Cha đó ranh mãnh lắm nghe!

Muroto là một sinh viên xuất thân từ Kobe, sau khi thất bại ở trường Y đã chui được vào Đại học của chúng tôi. Thời ấy, trong đám sinh viên, nhiều người mắc phải bệnh lao. Muroto là một trong những người đã qua đời vì chứng này.

- Ông ta đã lợi dụng cả bệnh tật của tớ!

Theo lời Muroto kể thì tất cả bắt đầu từ hôm anh ta bị cảm cúm, trong cư xá lại không có ai, và để trả ơn "Chuột Nhắt", người đem cơm đến cho mình, anh ta đã biếu ông thầy dòng này ít đường mía (saccharine). Gia đình Muroto vốn hành nghề y sĩ nên họ không bao giờ phải thiếu đường, từ đường mía (saccharine) cho đến đường nho (glucose) và anh thường được nhà tìm cách gửi cho.

- Ông ta chẳng cần nếm mùi vị để biết nó dùng vào việc gì nhưng sau đó cứ đến phòng tớ để gặp, rồi dù tớ chẳng nhờ vả bao giờ, đã chữ được chữ mất đem mấy "chuyện Amen" ra lái nhái. Đến khi tớ móc ra ít đường nho cho, mặt ông ta lại tỏ ra là mình chẳng có gì liên quan đến nó.
- Nếu dùng lấy đường đem cho có tốt hơn không? Mấy món quý giá như thế!
- Tớ thua ông ta ở cái sức lì lợm. Chắc tại tính tớ yếu đuối. "Chuột Nhắt" còn hôi nách nữa, nếu để ông ấy mặc tình bắt mình nghe mãi mấy "chuyện Amen" thì căn phòng đến nặng mùi mất. Cuối cùng vì nhức đầu quá, tớ đành đem đường nho biếu quách. Thì lúc đó, ông ta bèn đưa ra một bộ mặt dở khóc dở cười để chào tớ rồi bỏ về ngay.

Khi Muroto kể cho nghe câu chuyện của anh ta, chắc chắn lúc đó chúng tôi đã cười vang. Nếu nói thế thì oan cho "Chuột Nhắt" vì tất cả các giáo sĩ ngoại quốc đều toát ra một mùi hôi nách hăng nồng như ông ta. Có lẽ vì khu vực chủng viện nơi họ sống cũng thiếu thốn nhiên liệu nên không mấy khi có cơ hội tắm vòi sen hay ngâm người trong bồn.

- Thế cậu có nhớ thằng Muroto chết vì bệnh lao không?

Tôi đem chuyện vừa hiện ra trong đầu để hỏi Toda, lúc bấy giờ đang nắm chặt tay lái và chăm chú nhìn về phía trước.

- Thằng đó còn dám nói nó có cảm tưởng Chúa Giê-su cũng là một gã đàn ông nặng mùi hôi nách như bọn họ.

Toda phá lên cười nhưng tiếng cười của anh đã bị ngọn gió nóng ẩm và ngai ngái từ bên ngoài thổi vào đưa đi đâu mất. Bên sườn núi, có chừng mười nóc nhà tồi tàn xây bằng đá đang nằm phơi mình dưới ánh mặt trời. Trước cái quán giải khát nhỏ bán Coca-cola hay nước hoa quả ở ven đường, một bà Ả-Rập đang địu con đứng vờ về mặt của một người không còn dám trông đợi vào điều gì nữa.

- Thực ra Chúa Giê-su là người có khuôn mặt ra sao nhỉ?
- Hình như trong Kinh Thánh chẳng có lấy một hàng bàn về chuyện đó. Chỉ có một câu ám chỉ ngài là người già trước tuổi khoảng chừng mười năm.

Tôi nhớ ngày xưa không biết ai trong cư xá có lần gọi Toda là bộ từ điển bách khoa sống. Toda có thói quen là hễ ai hỏi câu gì, thế nào anh cũng trả lời một cách chi li, rành rẽ. Tôi lại buồn cười khi thấy là hai mươi năm sau ngày đó, cái nét cũ nơi anh vẫn không có gì suy yếu.

- Nếu Chúa Giê-su không ra đời ở Bê-Lem thì ngài đã sinh ra ở đâu vậy cậu?

Khi thấy tôi đặt một câu hỏi với vẻ châm chọc, Toda đã nghiêm sắc mặt:

- Cái đó tớ không biết. Chính tớ cũng không hề đoán chắc là ông ấy không sinh ra ở Bê Lem. Tớ chỉ bảo câu chuyện Lễ Giáng Sinh là do người đời sau đặt ra thôi. Nhiều học giả chủ trương Nazareth mới là sinh quán của Chúa nhưng trên thực tế, không có một tư liệu nào bảo đảm cho giả thuyết ấy.
- Còn chuyện xem Nazareth là nơi Chúa đã lớn lên thì sao?
- Cái này thì có thật. Ngoài cha mẹ, Chúa còn có bốn người anh em họ (itoko). Tên tuổi cũng rõ. Chúa lại có cả chị em họ nữa nhưng tên thì không biết.
- Thế họ sinh sống bằng cách nào?

Hồi còn nhỏ khi học Giáo lý của đạo Công giáo, tôi chưa được nghe cha xứ kể cho nghe về anh em họ của Chúa Giê-su, dù chỉ một lần.

- Nói là gia đình Chúa làm nghề thợ mộc thì quả là họ có dính dáng đến nghề ấy thật. Kể từ khi người cha là ông Joseph qua đời, Chúa Giê-su và các anh em họ đã làm nghề mộc để mưu sinh. Có thể hình dung được là vào thời gian đó, Chúa đã ở chung với đám anh em trong một ngôi nhà làm bằng đất sét với mái bằng và chỉ vốn vẹn một gian phòng. Nếu thâm thập những thí dụ trong Kinh Thánh vốn không phải do môn đồ trong các giáo đoàn chế tác mà chính là đến từ miệng ngài thì chúng ta đều thấy rằng hết thí dụ này đến thí dụ khác đều gợi ra hình ảnh một cuộc sống bần hàn, bi đát. Chẳng hạn chuyện cô gái nghèo vì mất một đồng tiền bằng bạc đã phải soi đèn đi tìm khắp nơi trong nhà. Có thể cô gái nói trên là một trong những bà chị em họ của Chúa. Còn người đàn bà cho men vào trong ba đấu bột để làm bánh mì có lẽ là người đang làm công việc hàng ngày của bà Maria, mẹ ngài.

Nhất định là khi làm nghề thợ mộc, Chúa đã có thể đi nhiều nơi và gặp gỡ nhiều người, tiếp xúc được với những cảnh đời cơ cực. Do đó từ trong Kinh Thánh, đôi khi chúng ta thấy toát ra cái mùi mồ hôi hay cái mùi đến từ cuộc sống nhơ nhớp, lảm than.

- Ủ! Điều đó thì tớ cũng cảm thấy.

Tôi mừng rỡ ra vóc dáng một người đàn ông già trước tuổi với cặp mắt sâu như lõm vào bên trong, một người đàn ông với khuôn mặt sần muện u uất, phải làm việc trong một gian nhà lụp xụp và thiếu ánh sáng. Mỗi ngày, ông phải cưa, phải xẻ những mảnh ván, bào đục lên từng thanh gỗ và không ai hiểu được trong lòng ông đang nghĩ gì.

- Thế nhưng tại sao Chúa đã bỏ cả gia đình, quê hương làng nước để vào tận trong đồng vắng (sa mạc) như thế nhỉ?
- Nhìn mãi cuộc sống cay đắng và bi đát của người chung quanh mình thì làm gì mà Chúa chẳng như mọi người là muốn có những giờ phút cô độc để có thể suy tư và hợp nhất với thần linh?

Anh Toda lại thấp giọng và tiếp tục trả lời tôi:

- Ngay cả tui mình cũng từng trải qua những giây phút như thế chứ.

Tôi lặng nhìn vết sẹo vì phỏng nước sôi nằm trên cẳng cổ bóng nhẫy mồ hôi của anh và nghĩ thầm, thì ra người đàn ông ngồi cạnh tôi, để tìm hiểu Chúa Giê-su là một Đấng như thế nào, đã lặn lội đến đất nước này. Thế rồi, một kẻ như tôi, khi làm cuộc lữ hành hiện tại, dù không mang mục đích sâu xa đến như vậy, nhưng cuối cùng, nào đã khác chi anh.

Khi xe đi qua khỏi khu vực xóm làng, không còn thấy nhà cửa và cũng không có lấy một bóng người. Dưới bầu trời xanh nắng lóa, trên một rẻo đất cao, chỉ có những phiến đá vương vãi khắp nơi như những bộ xương động vật trắng hếu. Vừa đảo mắt nhìn quanh, chúng tôi tiếp tục rong xe nhắm thẳng con đường dài phía trước. Cũng trên rẻo đất ấy, hàng cột điện cao thế đang vươn thẳng lên bầu trời và những sợi giây điện cắt lấy khung trời xanh như muốn phô trương ý chí mạnh mẽ của mình.

- Hình như cư dân ở thị trấn Nazareth cũng như gia đình của Chúa không ai hiểu được ông...

Toda hấp háy đôi mắt và đổi số ga:

- Gia đình nào rồi cũng xử sự như thế thôi, cậu ơi!

"*Chắc bà vợ cậu đã bỏ cậu ra đi không khác gì họ đâu nhỉ?*". Tự dưng tôi thêm được đặt cho anh Toda một câu hỏi như vậy nhưng đã không thốt nên lời. Duy cái ý muốn khơi gợi để anh phải tự thổ lộ thì vẫn có, cho nên tôi mới cố tình nói:

- À, ra là thế! Tớ nhớ ngày xưa vào giờ giáo lý, các cha lúc nào cũng dạy cho nghe là Chúa Giê-su khi còn ở với gia đình, ngài bao giờ cũng là một đứa con ngoan ngoãn, biết vâng lời.
- Không có chuyện đó đâu. Mấy người anh em họ đã đối xử không được tử tế với Chúa trong một thời gian dài. Bởi vì bản thân Chúa không phải là một thành viên thích ứng được với cuộc sống của gia đình. Rốt cuộc, thân quyến của Giê-su đã xem ông như người không đủ năng lực để nhận lãnh trách nhiệm.
- Ai đã viết ra và viết ở đâu những chuyện như thế?
- Cứ xem trong Phúc âm do Thánh Mác (Marco) và Thánh Giăng (Johanes) viết thì rõ. Hình như điều đó đã được tiết lộ trong sách Mác ở đoạn 3 câu 21 [2] và trong sách Giăng ở đoạn 7 câu 5 [3]. Có học giả cho rằng người trong gia đình đã đánh giá Chúa là kẻ không đủ năng lực để nhận lấy trách nhiệm. Những điều bất ngờ như vậy một khi đã được ghi lại trong Kinh Thánh có thể dùng như chìa khóa quan trọng để tìm hiểu về con người thực của Chúa Giê-su.
- Thế nhưng tại sao họ lại dám xem ngài như kẻ thiếu năng lực nhận trách nhiệm?
- Đó là cả một vấn đề. Gia đình chỉ muốn Chúa lưu lại Nazareth mãi mãi làm nghề thợ mộc cho họ nhờ. Thế mà có một ngày, đột nhiên, Chúa đã bỏ tất cả để vào trong đồng vắng. Đối với một gia đình nghèo

khó thì sự mất mát một thành viên như Chúa là to lớn lắm chứ. Đương nhiên, kể từ giờ phút đó, thân tộc của Chúa bắt đầu xem ông là một kẻ vô trách nhiệm, chỉ biết đuối theo những giấc mộng ảo huyền!

Trong luồng gió hâm hẩm và ngai ngái từ ngoài cửa sổ thổi vào, thật lòng mà nói, tâm tình tôi có phần nào nghiêng về hướng giải thích của Toda. Câu chuyện anh vừa kể về cuộc sống gia đình buổi đầu đời của Chúa Giê-su hoàn toàn khác với hình ảnh một "gia đình toàn thánh" (seikazoku, Holy Family) [4] tôi từng được nhà thờ dạy dỗ và đến nay vẫn áp ủ trong lòng. Bỗng dưng tôi có cảm tưởng đang ở một nơi không phải là đất đứng của mình. Không lường được ý nghĩa đích thực điều anh Toda vừa phát biểu, tôi chỉ biết ngồi lặng người

Những hòn núi trọc nối tiếp nhau trên đường đi. Đằng sau một hòn núi trọc lại còn có vô số những hòn núi trọc màu vàng cháy khác nhô lên phục xuống như sóng lượn và trải dài đến ngút mắt. Dưới chân núi hãy còn có những bụi cây còi mọc được chứ bên trên ngọn đã bị gió mưa làm thay hình đổi dạng và chỉ còn là khối đất cát khổng lồ. Chèn vào giữa hai ngọn núi trọc là những con lạch cạn gọi là waji, nó giống như những vết sẹo sót lại sau khi bị lưỡi dao chém xuống. Khi nào có một trận mưa tầm tã thì những con lạch cạn ấy sẽ biến thành dòng nước lũ, trôi với tốc độ khủng khiếp.

Mặt trời chiếu gay gắt, ánh nắng đến lóa mắt và một sự yên tĩnh đang bao trùm lên tất cả. Không chừng sự yên tĩnh đó còn muốn ngự trị trên cái biển làm bằng những đỉnh núi trọc mọc lên chi chít này cho đến tận nghìn năm vạn thuở. Làm như từ vài trăm năm nay, cả vùng đồi núi bằng cát này đã tồn tại bên dưới ánh mặt trời chói chang cũng như sự yên tĩnh đến ngột ngạt này.

- Ở nơi như thế này, có động vật nào sinh sống được không cậu?
- Có chứ, rắn hổ mang! Tôi đã được thấy chúng nhiều lần. Ngoài ra, lạ cái là còn có lắm muỗi mòng. Có dạo, tôi đã dựng lều định qua đêm ở đây nhưng muỗi nhiều khiếp lắm nên đã vội vã bỏ chạy. Đây không có cây, còn cỏ chỉ toàn mấy bụi gai còi (gọi là ratap) nên tôi đành chịu, không biết mấy con muỗi đã sinh ra từ đâu?
- Nếu không có nước, con người làm sao xoay xở để sống được ở đây nhỉ? Thế thì Chúa Giê-su đã sống ở đâu vậy?
- À! Chúa từng sống bên bờ sông Giô-Đan (Jordan) nhưng phong cảnh ở đó cũng na ná như đây thôi, nghĩa là hoang vắng, thê lương lắm.

Bên trên một những hòn núi trọc đang có những con chim màu đen giống như chim ưng đang giang rộng cánh, chậm chậm lượn thành vòng. Lũ chim đột nhiên thoát khỏi tầm mắt chúng tôi và mất dạng bên trong một góc núi. Sau đó, cái còn sót lại chỉ là một bầu không khí nóng bỏng như đang muốn đè nén lên vạn vật.

Đường xe đi đã đến chỗ phải xuống dốc nhưng phong cảnh không chút đổi thay, vẫn là những ngọn đồi màu vàng cháy và những con lạch waji nằm trơ đáy. Chúng tôi đã ra khỏi El Salem độ nửa giờ rồi và xe vẫn tiếp tục lăn bánh. Một vùng đồi núi hình viên chùy hiện ra cao vút trên đoạn đường trước mặt. Thế nhưng sau khi đi qua khỏi nó, chúng tôi đã thấy đằng xa kia là cảnh sa mạc đang trải rộng tứ bề một màu nâu nhạt. Và ngay giữa vùng sa mạc mênh mông ấy là một cái hồ lớn nằm lim dim như say ngủ. Trong cái yên tĩnh hầu như lắng đọng, tôi thấy bên kia bờ hồ có một rặng núi màu hồng nhạt đang tắm mình dưới vàng dương của buổi xế chiều, trông giống như huyền ảnh do không khí gây ra (shinkirô, mirage).

- Biển Chết (Dead Sea) đấy!

Toda hạ giọng bảo tôi.

- Cái vòng đai màu vàng mà cậu đang thấy là con sông Giô-Đan. Người ta có chứng cứ là Chúa Giê-su đã từng sống ở lưu vực của nó.

Tạm dừng xe, Toda lấy ra một cái bình đựng nước, uống một ngụm rồi trao cho tôi. Nước trong bình có pha uýt-ki, uống vào thấy ngon và mát cả cổ họng.

Nhìn về phía xa, tôi thấy khung cảnh buổi xế trưa hôm nay sao mà buồn đến vậy. Không những nó buồn thê thiết mà ngay lịch sử hình như cũng đọng lại và dòng thời gian ngừng trôi để nơi đây không có gì xảy ra và mọi sự vẫn bất biến. Đúng như lời anh Toda đã phát biểu, ở chốn xa xôi kia, chắc chắn cái thời đại Chúa Giê-su sống hãy còn được giữ nguyên vẹn cho đến ngày nay.

- Tại sao khi suy nghĩ về thần thánh là cứ phải lao đầu vào một chốn như đồng vắng?

- Lý do là vào thời đại của Chúa Giê-su, đồng vắng vẫn là nơi mà mỗi khi cần phải suy nghĩ về một điều nghiêm trọng nào đó, người ta hay tìm tới. Trong số các người từng đến đây, có cả những nhóm cực đoan muốn tạo phản để đánh đuổi người La Mã là những kẻ đã đến chiếm đóng đất nước họ. Mặt khác, có thể họ là những kẻ có thù oán với các thầy tế lễ ở El Salem vốn là một tập đoàn tiếp tay cho chính quyền La Mã. Bên bờ Biển Chết này, các phe nhóm đã xây dựng những ngôi giáo đường. Họ không chỉ dùng nó làm cơ sở để trầm tư mặc tưởng mà còn dùng như chỗ sinh hoạt cộng đồng để cùng nhau nung nấu mối thù chung. Sau đó, bên trong đồng vắng lại thấy lần lượt hiện ra trước mặt họ những nhân vật gọi là nhà tiên tri (yogensha, nhà sám truyền) hay những kẻ tự xưng mình là Đấng Cứu Chuộc (Mê-Si, Messiah). Những người này đã thổi bùng ngọn lửa đấu tranh trong lòng họ.

Lời giải thích của anh Toda đã kích thích trí tưởng tượng của tôi. Trong đầu mình, tôi bắt đầu hình dung ra hình ảnh các nhà tiên tri đang đứng trước đám đông tụ tập bên triền hòn núi trọc dưới những tia sáng của một mặt trời hừng hực cháy để cất tiếng hô hào. Những lời phát biểu cuồng nhiệt của họ đã làm rung động tư duy và tình cảm của người nghe.

- Ban đêm, bầu không khí ở trong đồng vắng dễ lôi cuốn người ta vào sự sợ hãi cũng như sự trầm tư. Đường như màn đêm đã gấp rút cuộn lại tất cả những cảm giác ngọt ngào do xã hội gây ra dưới ánh mặt trời nóng bức. Ấy chính là lúc mà con người, một lần nữa, muốn tìm về các Đấng thiêng liêng.

Toda vẫn đưa chiếc khăn tay để lau mồ hôi đang đọng trên cằm cổ, vừa nói tiếp:

- Trong đồng vắng, không chỉ có những tông phái tụ họp nhau để sinh hoạt cộng đồng như tớ vừa nhắc tới mà dọc theo bờ sông Giô-Đanh, hãy còn có dăm ba đoàn thể tôn giáo chủ trương tẩy lễ (rửa tội bằng nước, báp-têm) và xem đó như một hành động cơ bản để tỏ lòng sám hối (cải tâm, repentence) trước mọi cơn thịnh nộ và sự trừng phạt đến từ thần thánh. Ý tưởng cho rằng thế gian này đã sắp đến hồi chung cuộc, chẳng còn bao lâu nữa, cái chùy sắt của thần thánh sẽ giáng xuống đầu mình là niềm tin hầu như chi phối tất cả thiên hạ lúc đó.
- Giảng, người mà Chúa Giê-su đã chọn làm ông thầy rửa tội cho mình trong đồng vắng cũng là một nhà tiên tri như thế cậu nhĩ?

Tôi đã chen vào một câu vì có cảm tưởng mình cũng cần phát biểu một đôi điều gì đó nhưng phải nói là kiến thức của tôi về ông Thánh Giảng này không có bao lắm ngoài việc biết ông hay quán quanh lưng một sợi giây để buộc làm bằng da thô, ăn châu chấu cào cào, uống mật ong rừng và cứ đi lòng vòng hết chỗ này đến chỗ kia trong đồng vắng.

- Ủ! Đúng vậy. Ông Giảng là một thủ lĩnh của một trong số các giáo đoàn chủ trương tẩy lễ. Có thể nói ông là nhân vật nổi tiếng nhất ở phía Nam sông Giô-Đanh.
- Thế nhưng tại sao Chúa lại chịu đến làm đệ tử một người như cái ông Giảng kia nhĩ?
- Cậu hỏi hơi khó đấy. Chuyện này còn chưa có câu trả lời. Nó đã khiến các học giả Thần học nhiều lần bàn qua cãi lại. Tuy nhiên, chẳng bao lâu Chúa Giê-su cũng đã rút lui khỏi nhóm người này. Nếu đọc Kinh Thánh cho kỹ một chút, cậu sẽ thấy có nhiều đoạn ám chỉ việc Giê-su vì bất mãn với giáo đoàn của Giảng nên đã rút lui.

Chuyện này tôi cũng mới được nghe lần đầu! Các vị linh mục trong giáo hội lúc nào cũng giảng cho tôi về Giảng, một nhà tiên tri đóng vai người tiên khu của Giê-su, kẻ dọn đường cho Chúa vì ngài vốn là một Đấng Cứu Thế đích thực.

- Ôi giào! Sở dĩ có chuyện đó là vì đám môn đồ của Giê-su đã nghiêng ra sau khi ngài qua đời để thần thánh hóa ông thầy mình đó thôi.

Cũng giống như thái độ của anh về hang Bê Lem, Toda đã phóng ra câu nói phủ định đó một cách ngang nhiên. "Thế nhưng, lúc bắt đầu, đã có việc Chúa chịu phép báp-têm do Giảng cử hành trên sông Giô-Đanh. Để tránh cho Giảng khỏi tuyên bố rõ ràng rằng Giê-su là Đấng Cứu Chuộc phải giáng lâm vào cõi đời này, người ta mới chủ trương rằng việc chịu phép báp-têm của Chúa là một điều ắt có".

Tôi vừa dùng cái đáy của bình đựng nước để dí cho bẹp một con nhặng đang nằm bên trên tấm kính trước xe, vừa lắc đầu nhẹ. Bởi vì tuy được Toda giải thích cho nghe về hoàn cảnh sinh hoạt ngoài đồng vắng vào thời buổi đó, trong lòng tôi, hình ảnh của Chúa Giê-su vẫn còn chưa hiện ra một cách cụ thể. Tôi thấy nó chỉ bàng bạc, mơ hồ như đang nghe ai đó nói về những phong tục tập quán lạ lùng của một đất nước xa lạ.

- Đã không sinh hoạt với gia đình ở Nazareth được nữa, lại rút lui khỏi giáo đoàn của Giảng. Thử hỏi cậu cái gì làm cho Giê-su có cảm tưởng mình không thỏa mãn?

Thấy tôi đang thờ dài đánh sượt, Toda mới cất tiếng cười kiểu một ông giáo đang thương hại cho đứa học trò và trả lời tôi là chớ có nên đưa ra một kết luận gấp gáp làm chi.

- Chuyển đi này hãy còn dài mà bạn!

Từ phía bên dưới, một chiếc Jeep nhà binh đang hỏn hỏn leo lên dốc. Xe chở hai người lính Do Thái trong bộ quân phục màu xanh lá cỏ, hai cánh tay để lộ ra ngoài và đang đưa mắt chăm chú nhìn về phía chúng tôi. Khi hai bên chạy vượt qua nhau, họ cất tiếng hỏi:

- Meian ata? (Ở đâu đến vậy?)

Nhìn hàm răng trắng của người lính, bất chợt tôi nhớ lại hình ảnh của anh Toda và tôi hai mươi năm về trước. Lúc đó, chúng tôi cũng đang ở trong lứa tuổi đôi mươi ở một đất nước trong tình trạng chiến tranh như hai bạn trẻ này. Rốt cuộc là, sau khi đã sống qua hai mươi năm – một quãng thời gian dài như thế - hỏi thử chúng tôi đã đạt được những gì? "Khi còn trai trẻ, các người còn có sức tự đi đến những nơi mình thích nhưng khi về già, sẽ không còn có thể đưa tay với tới đó nữa". Tôi nhớ mình đã được đọc trong Kinh Thánh một câu giống như thế. Nay tuy đã đến cái tuổi "tay không còn với tới", thế mà bản thảo cuốn "Người môn đồ thứ mười ba" (Juusanbanme no deshi) viết dở dang hãy còn bị tôi bỏ mặc trong ngăn kéo bàn giấy. Còn Toda thì dù đầu tóc chỉ còn loe hoe ba sợi, hình như vẫn như chưa xác quyết được điều gì về tôn giáo sau bao tháng năm miệt mài nghiên cứu môn Thần học của anh. Hơn nữa, xế trưa hôm nay, đằng trước mặt nhựa đường màu xám chì mà tôi và anh đang rong ruổi, chỉ là một bức tranh tĩnh lặng tắm dưới ánh mặt trời với sa mạc và những rặng núi khô cằn cùng một mặt nước hồ già cỗi. Tôi thầm nghĩ quang cảnh này sao lại có thể giống một cách phũ phàng so với cái kết của đời mình như thế!

- Xin lỗi nếu tôi có tò mò nhưng cậu vẫn sống một mình đấy à?.

Tôi vừa nhìn chăm chú cằn cỗi lấp lánh mồ hôi của Toda nơi có cái sẹo từ vết phỏng ngày xưa, vừa cất tiếng hỏi anh.

- Mình với bà xã thì đã chia tay nhau từ lâu lắm rồi.

Không biết có phải vì cảm thấy mình vừa hiểu sai ý nghĩa câu hỏi của bạn hay không mà anh Toda bất chợt thổ lộ cho tôi tâm trạng của một người đã quá mệt mỏi:

- Cậu xem đó, tớ còn biết làm sao bây giờ!

\*\*\*

Tôi hãy còn nhớ những chuyện xảy ra vào mùa đông năm đó. Bên ngoài khi cái lạnh của buổi hừng đông đang trùm lên suốt khu vực chung quanh cư xá và sân trường thì vài tiếng động vọng lại từ phía hành lang có hôm đã làm tôi chợt mở mắt. Đó là tiếng bước chân của linh mục tổng giám thị Nosak và người trợ tá "Chuột Nhắt" rời cư xá đi về phía tu viện nằm cách đó chừng một trăm mét để cử hành lễ Misa buổi sáng. Vào thời ấy, vì sợ bị cảnh sát khiển trách, trên bàn lễ bái trong tu viện, ngoài mấy cây nến, chẳng có một ánh đèn nào được thắp lên và mọi người đều phải hành lễ trong âm thầm. Đã vậy, ngoài anh bạn Toda này, các sinh viên đi đạo trong cư xá, không có lấy một người chịu đi lễ buổi sáng. Một phần vì thân thể họ đã tả tơi tả sau khi phải làm nghĩa vụ dân công trong những quân xưởng và sau những buổi huấn luyện quân sự, phần khác, họ cũng chưa có thói quen dậy sớm mỗi ngày trong một bầu không khí lạnh lẽo như đông đá. Chỉ có cha Nosak và "Chuột Nhắt" là gây nên tiếng động khi mở cánh cổng tiền sảnh của cư xá để ra ngoài thi hành bổn phận mà họ tuân thủ. Sau lúc ấy, có thêm một thứ tiếng chân khác nghe được từ phía hành lang. Đó phải là tiếng chân của anh Toda vì anh là người duy nhất còn đủ nghị lực để thức dậy và bắt chước cho bằng được động tác của hai người kia.

Có một lần và ấy là lần duy nhất, tôi đã ngấm ngầm theo sau lưng anh băng qua cái sân trường tối đen và lạnh đến buốt cả tai, để đến cái tu viện cũ kỹ đang đứng co ro tựa một lão già bệnh hoạn và ngơ ngẩn. Trong ngôi thánh đường nhỏ bé ấy, tôi thấy bóng dáng vị linh mục người ngoại quốc đang để cho ánh sáng hai ngọn nến chiếu lên khuôn mặt trong khi cử hành lễ Misa. Giữa vũng bóng xám xám mờ mờ, tôi thấy anh Toda đang cúi đầu cầu nguyện ở một góc phòng. Tôi tưởng anh chỉ ngồi yên ở đó một mình nhưng khi nhìn thật kỹ, mới biết anh đang lắc lư cằn cỗi ra sức chống trả cơn ma buồn ngủ. Đôi khi ánh nến chập chờn như nhảy múa trên cổ anh. Vị linh mục già lâu lâu lại ngưng đọc lời kinh, rút một cái khăn tay đặt lên mũi và hỉ một tiếng thật to làm cho Toda giật mình bước ra khỏi cơn ngủ gật và phải chà xát hai bàn tay vào nhau cho đỡ lạnh. Còn tôi thì cứ thế mà quay về cư xá, đẩy cái thân hình với chút hơi ấm còn sót lại vào bên trong lớp chăn đệm đầy cái ghệt.

Trong số những sinh viên đi đạo trốn lễ Misa vào những buổi sáng ngày thường, có khoảng năm sáu anh buộc lòng phải chọn buổi lễ Chủ nhật để có mặt ở giáo đường một lần duy nhất trong tuần. Dù vậy đi nữa, sau khi buổi lễ kết thúc và trở về cư xá, có lẽ các anh này vì cảm thấy xấu hổ trước mặt đám sinh viên người lương nên đã lặng lẽ bỏ về phòng như những con thú muốn trốn chui vào hang hốc của mình. Sở dĩ có chuyện như vậy, một vì các anh sợ bị mĩa mai là trong giai đoạn Nhật Bản đang có chiến tranh mà mình vẫn còn tin theo một tín ngưỡng ngoại quốc, hai là các anh phải hứng lấy những lời lẽ đầy hận thù rất là khó chịu.

Chuyện sau đây cũng đã xảy ra vào mùa đông năm đó. Một buổi chiều, chúng tôi vừa phải nghe viên trung tá (được chỉ định làm cố vấn quân sự của nhà trường) nặng lời thóa mạ, vừa phải nghe những khẩu lệnh hô đứng lên, nằm xuống, bò tới, bò lui trên mặt đất cứng, nên khi mọi người trở về cư xá trong bộ quần áo dùng vào việc tập dượt đánh đầy bùn đất, không ai là không khỏi lấm bầm lầy lều. Chưa chi đã thầy thầy tổng giám thị là linh mục Nosak đứng một mình trước lối vào với vẻ mặt đã mất hết kiên nhẫn. Sau khi nhìn thấy chúng tôi, cha Nosaku chỉ đưa ngón tay ra dấu bảo chúng tôi đi vào phòng ăn còn mình thì lăm lăm khuất về phía tu viện.

Trong phòng ăn đã có hai viên thanh tra cảnh sát mặc thường phục do chi cục Kôjimachi gửi đến. Đây là cuộc kiểm tra tư tưởng đối với từng sinh viên trong cư xá. Bằng một giọng cực kỳ sợ hãi, các sinh viên trở về cư xá sớm hơn đã thông báo cho chúng tôi hay là hai người này vừa ra lệnh cho cha Nosak phải bắt các sinh viên phải mở hết cửa phòng để họ có thể đến xem xét từng quyển sách một mà các sinh viên đang giữ đọc.

Muroto tỏ vẻ lo lắng:

- Họ đến xem ở đây có sách của bọn Đỏ không đấy!
- Nhưng chắc là chẳng việc gì đâu nhỉ?

Tuy tôi nói thế nhưng lại đang hồi hộp vì một chuyện khác. Hai viên thanh tra này không nhắm vào mấy sinh viên cánh tả đâu. Cũng vì tôi đã đánh hơi được lần này mục đích của họ là nhóm sinh viên đi đạo.

Trong hành lang trước phòng ăn hiện vẫn còn hai sinh viên đang đợi đến phiên họ bị thẩm vấn. Tôi đến đứng đằng sau lưng Toda và đưa mắt liếc nhìn nét căng thẳng lộ trên khuôn mặt của hai anh bạn kia.

- Mỗi lần hai người...tới đây một lượt!

Khi nghe tiếng gọi đầy âm khí của một trong hai viên thanh tra hình sự, anh Toda và tôi đã cùng đẩy cánh cửa phòng ăn bước vào. Một người thanh tra còn mặc nguyên áo khoác ngoài, ngồi dạng háng và đang chất vấn một sinh viên với giọng trịnh trọng đến mức đều căng:

- Anh đi đạo à?

Anh sinh viên trán mướt mồ hôi, chỉ biết gục đầu tỏ ra nhìn nhận.:

- Như thế thì trong trường hợp Nhật Bản đang phải chiến đấu một mất một còn như bây giờ, nghĩ thế nào mà anh vẫn giữ cái tôn giáo được người ngoại quốc đem vào đây ấy nhỉ?
- Thừa tại gia đình tôi...ai cũng thế cả.

Anh sinh viên đứng thẳng người, lăm bắm câu trả lời với một cái giọng đã lạc đi.

- Đạo này không phải do cá nhân tôi chọn. Đúng như vậy. Cho nên tôi cũng chẳng tin vào nó một cách sâu sắc cho lắm.
- À, vậy đó. Té ra lòng tin của anh không có gì sâu sắc mấy, phải không?

Viên thanh tra nở một nụ cười mỉa mai rồi dứt một ngón tay ngoáy lỗ tai mình.

-Thế là đủ. Thôi, tôi cho anh về.

Đến phiên chúng tôi. Làm như đã có chủ trương, hai viên thanh tra cố tình giữ im lặng trong một hồi lâu. Một người lơ là đưa tay lật lại cái cổ áo sơ mi ố bẩn của mình trong khi người kia cho ngón tay vào ngoáy lỗ tai.

- Tín đồ chắc?
- Nói là tín đồ thì cũng...

Giọng tôi lí nhí.

- Không thể nói tôi là tín đồ...

-Nghe này! Giữa Đền Yasukuni [5] và nhà thờ, đối với anh, đâu là nơi quan trọng hơn nào?

Bốn, năm năm về trước, chuyện một nhóm sinh viên đi đạo thuộc đại học chúng tôi đã từ chối đến đền Thần đạo Yasukuni hành hương đã được đưa ra trước dư luận và trở thành một vấn đề nhạy cảm. Có lẽ viên thanh tra kia còn nhớ tới chuyện đó nên mới chủ ý đặt ra một câu hỏi như thế. Tôi bèn trả lời ông ta bằng một câu đã soạn sẵn mình hãy còn nhớ được:

- Thừa bên nào tôi cũng coi trọng cả...
- Nếu thế, đến lúc phải ra ngoài mặt trận, anh có thể giết một kẻ địch có cùng lòng tin tôn giáo với anh không?
- Dĩ nhiên tôi có thể giết chứ!

Lúc ấy, tôi đã trả lời ông với bộ mặt méo xệch giống như hồi đi thăm trại phung hủi và bị kẹt giữa khoảng hai cái lũy (base) trong giờ chơi bóng chày (baseball) với các bệnh nhân [6]. Và trước phản ứng hèn nhát của bản thân, tôi đã tự xem nhìn như một thằng tồi!

- Anh cũng vậy à?

Viên thanh tra hướng về phía Toda và lặp lại câu hỏi với một nụ cười khinh khỉnh trên môi:

- Sao, có giết nổi không?
- Thừa tôi không biết.

Toda vẫn giữ một tư thế bất động và trả lời rành rọt:

- Tôi nghĩ là tôi sẽ do dự.
- Do dự cái gì?

Viên thanh tra vừa mới lật lại cổ áo đã bất ngờ ngẩng mặt lên:

- Không dám giết địch hả?
- Hiện giờ tôi vẫn chưa rõ. Với tư cách là một con người cũng như một tín hữu, tôi rất khổ tâm mỗi khi nghĩ đến chuyện giết người. Tuy nhiên, ra ngoài mặt trận, biết đâu tôi chẳng sẽ thay đổi thái độ. Bây giờ tôi chưa có thể trả lời được.

Ngày nay, dù trên hai mươi năm trôi đã trôi qua, tôi vẫn còn nhớ rõ khuôn mặt và tiếng nói của Toda lúc trình bày hướng đi của đời mình. Căn phòng ăn chỗ họ thăm vấn chúng tôi là một không gian tối, nơi những mảnh giấy được dán trên cửa sổ để tránh những cơn gió dữ đã bị cái u ám của trời mùa đông nhuộm lên. Thế rồi, phần tôi thì sau khi đã ngán ngẫm và đau khổ với bản tính hèn nhát và sa đọa của mình, đã dần dần thói chí rồi bỏ bê, không còn lui tới với giáo hội nữa. Còn như Toda thì lập trường anh chọn lúc đó cũng đã trở thành một hướng đi khi anh bắt tay vào việc nghiên cứu Kinh Thánh. Có điều là tới nay cái anh nắm được trong tay vẫn chưa có gì ngoài mấy câu kết luận (ageku) mà tôi đã quen nghe và cái chân dung thâm thương anh vẽ ra về cuộc đời của Chúa Giê-su.

\*\*\*

Ngồi trên ngọn đồi đá nơi chỉ có tiếng gió gào, tôi vừa ngẫm nghĩ lại câu chuyện anh Toda vừa kể. Lời giải thích của anh hoàn toàn khác lạ so với những điều các vị linh mục đã giảng cho tôi từ đó đến nay. Tôi không đủ sức phân biệt cái nào là đúng, cái nào là sai và đúng sai đến mức độ nào? Vì lực bất tòng tâm như thế nên trong suốt chuyến lữ hành vừa mới bắt đầu này, tôi phải dựa vào những điều người bạn cố tri từ trên hai mươi nay suy luận.

Đây là bảng tóm tắt những điều anh Toda kể cho tôi:

*Chúa Giê-su đã thoát khỏi sinh hoạt của gia đình mình ở Nazareth, bị thân quyến coi như một kẻ không đủ năng lực để nhận trách nhiệm. Thế rồi, có hôm ông đột nhiên gia nhập một giáo đoàn chuyên làm phép báp-têm đang sinh hoạt trong đồng vắng xứ Giu-Đê để rồi sau đó lại tách ra một mình...*

Lúc bấy giờ, hai đứa chúng tôi đang ở trên ngọn đồi nơi có một tòa thành đồ nát (haikyo), chung quanh chỉ nghe mỗi tiếng gió. Tòa thành bỏ hoang kia chỉ mới được phát hiện vào thế kỷ này thôi. Nó là một tu viện của giáo đoàn Ku-mu-ran (Qumran), một phân nhánh từ phái Ét-xê-nê (Essenes [7]) đã có mặt từ thời Chúa Giê-su bỏ vào trong đồng vắng. Những bức tường đá màu xám của tu viện bị khuyết đôi chỗ như hàm răng sâu chạy quanh bên nhau trông giống một mê cung. Chung quanh nơi đó, tôi còn thấy nằm rải rác vài mảnh gốm vỡ có lẽ là di tích đồ nhật dụng của thời xa xưa.

Khi chúng tôi bước đi trên con đường chạy dọc theo những bức tường màu xám sậm, anh Toda đã kể cho tôi nghe rằng Giảng, người chủ lễ báp-têm cho Chúa Giê-su cũng có thể là một nhân vật xuất thân từ tập đoàn Ku-mu-ran. Tập đoàn này đã phải bỏ vào trong đồng vắng sau khi bị các thầy tế lễ thuộc hệ Ha-su-mon ở El Salem bức hiếp và đuổi đi. Họ đã lập ra một phương thức sinh hoạt mà trong đó mọi tài vật đều là sở hữu chung của cộng đồng và giữ một tôn chỉ theo cách giải thích vô cùng nghiêm ngặt của giới luật Tô-ra (Torah [8]). Do đó, anh Toda mới cho rằng tư tưởng của Giảng đã phản ánh phần nào giáo lý của phái Ku-mu-ran.

Chúng tôi có thể nhìn thấy ngay bên dưới ngọn đồi bị gió bão này dải sa mạc và một vùng Biển Chết hoang vu. Trên mặt nước màu xám của Biển Chết, không bóng một con thuyền nhỏ nào động đậy. Còn sa mạc thì chẳng có chiếc xe nào đang chạy trên đó. Đằng sau lưng chúng tôi chỉ có những ngọn núi bị bị ôc-xi-hóa (toan hóa, oxydation) đã biến thành màu nâu và mang hình thù của những cái đầu lâu. Sa mạc già cỗi, mặt hồ già cỗi và núi non cũng già cỗi. Vài nghìn năm sau, sau khi tất cả đều hư hao mục nát, còn chẳng chỉ là những cơn gió lộng đang lướt bên trên.

- Ôi chao, họ đã sống được ở một chỗ như thế này sao?
- Ủ! Bởi vì lòng của bọn họ chứa đầy căm hận và họ cũng hết sức kính sợ thần thánh.

Toda gật đầu trả lời tôi và nói tiếp:

- Căm hận là tình cảm đối với người La Mã đã chiếm đoạt đất nước họ cũng như đối với những thầy tế lễ ở El Salem là bọn người đã toa rập với ngoại xâm. Những kẻ tụ tập trong đồng vắng này hết sức căm hận giáo phái Pha-ri-sai [9] ở El Salem mà họ cho rằng chúng đã giải thích giáo nghĩa đạo Do Thái một cách sai lệch. Thêm vào đó họ lại sợ sự trừng phạt của thần thánh kinh khủng. Họ tin tưởng rằng đến ngày sau rốt, khi Đấng Mê-Si hiện ra, thế nào Ngài cũng sẽ xem họ là những đứa con mẩu mực (= hikari no ko, đứa con của ánh sáng).



*Tòa thành Masada gần Biển Chết,  
ổ đề kháng quân La Mã cuối cùng của người Do Thái cổ*

- Thế thì Chúa Giê-su có tiếp xúc với tu viện này không hở anh?
- Có thể có. Nhưng cũng có thể không. Dù sao, nhất định là qua thông tin của Giảng, Giê-su phải biết tới tu viện của phái Ku-mu-ran!

Thế rồi, anh Toda lại kể thêm cho tôi một câu chuyện khá lý thú. Số là vào đầu thế kỷ, sau khi tòa thành bỏ hoang này được tìm thấy, một số người trong nhóm học giả Kinh Thánh Học đã nêu ra giả thuyết là biết đâu trên thực tế Chúa Giê-su chẳng là nhà lãnh đạo của giáo phái Ku-mu-ran này? Thông tin về vị chỉ huy giáo phái, người được mệnh danh là "Con người đạo nghĩa" (Gi no hito) từng bị các thầy tế lễ ở El Salem bắt bớ, hành hạ .. đã được chép lại trong những bức cuộn gọi là "Tài liệu phát hiện ở Biển Chết" (Shikai shahon, The Dead Sea Scrolls) [10] ngẫu nhiên tìm thấy trong hang động của một hòn núi nơi tu viện này đầu lung vào.



*Ảnh minh họa "Tài liệu phát hiện ở Biển Chết"*

- Rồi nhờ đó mà dần dần người ta tìm ra được chỗ giống nhau giữa hình thức sinh hoạt của những giáo đoàn Ki-Tô nguyên thủy và dạng thức sinh hoạt của giáo phái Ku-mu-ran ấy đấy! Tuy nhiên, về sau các học giả đã bắt đầu thừa nhận rằng liên hệ trực tiếp giữa Giê-su và giáo đoàn nói trên là không hề có.

Chân tôi dẫm lên trên những mảnh gốm vỡ màu nâu đang nằm rải rác dưới đất. Những mảnh gốm vỡ ấy vẫn còn đọng lại cái nóng của mặt trời buổi trưa và tôi

ngỡ rằng chúng đang truyền đến tôi hơi ấm của bàn tay nắm giáo đồ ngày xưa từng sử dụng chúng.

- Có thật đây là đồ vật từ thời đó không đấy?
- Dám lắm chứ! Hoặc giả chúng thuộc về bọn lính La Mã đến đồn trú ở đây vào những năm sau đó.
- Ủa! Lính La Mã cũng từng đến đây sao?
- Đúng thế. Chẳng bao lâu sau cái chết của Chúa Giê-su, đã có những cuộc nổi dậy xảy ra trong khu đồng vắng này. Lính La Mã đã được huy động đến tấn công và các nhóm phản loạn hoàn toàn bị họ tiêu diệt. Có lẽ vì thế chẳng mà bầu không khí trong đồng vắng bao giờ cũng u uất, nặng nề?

Khi còn sống ở Nhật, tôi chưa một lần nào nghĩ rằng có ngày mình sẽ đến đứng bên bờ Biển Chết. Thế nhưng buổi xế trưa hôm nay, khi anh Toda chịu dừng chiếc xe cạnh bờ Biển Chết cho tôi xem thì so với những chuyến đi trước kia và đến bất cứ đất nước nào, tôi cảm thấy lần này, mình đã lỡ đặt chân lên một nơi xa xôi hơn tất cả.

Bờ biển được bao phủ bởi một lớp bùn đen, trên mặt nước lại có những ngọn sóng vỗ lẫn tăn gây ra tiếng động như chó con đang liếm nước. Không biết có phải vì lính tuần canh Israel có lần cắm trại nơi đây hay không mà tôi thấy có dấu vết những mẫu gỗ cháy và lon, hộp sệt rỉ bị vùi nông dưới lớp bùn. Cạnh ghềnh đá là bức tường trắng một quán Drive-in cũ kỹ, nơi dừng chân qua đường cho khách đi xe nhưng có lẽ vì trái mùa nên cửa đóng then gài. Trên cánh cửa có hai thanh gỗ đóng thành một hình chữ thập, không hiểu vì sao lại thấy có dán một mẫu bích chương quảng cáo phim Mỹ nhưng nay đã rách bươm.

Duy một vùng ở phía xa là nơi mặt nước biển hồ được ánh mặt trời soi tới là mới có màu xanh, còn phía bờ bên kia hình như chỉ có những ngọn núi vàng cháy như lông chồn đang đổ bóng. Có lẽ chúng được tạo ra từ ảo giác qua không khí. Thế nhưng bờ phía đối diện ấy lại vô cùng vắng lặng, không có một hình ảnh thôn ỏ nào có thể gọi xóm làng có người ở lọt được vào tầm mắt của tôi. Hồi còn học tiểu học, tôi có thấy người ta đăng những bức tranh về Biển Chết lên một tạp chí dành cho học trò tiểu học. Trong số đó có tấm ảnh chụp một người đàn ông mặc quần tắm, một tay giương cây dù cánh dơi, một tay cầm quyển sách để đọc và mặc cho thân hình mình trôi bồng bềnh trên mặt nước [11]. Người đàn ông trong ảnh rất tươi cười, cho thấy ông là một người dễ mến nhưng giờ đây có lẽ cũng đã khuất về thế giới bên kia.

\*\*\*

Tôi quay đầu lại nhìn cảnh đồng vắng xứ Giu-Đê thêm một lần nữa. Trên mặt đất vắng vẻ, ngoài mấy bụi gai còi (ratap) phủ đầy bụi mọc lên ở đôi chỗ, tôi chỉ thấy có những nếp nhăn màu trắng (mà theo anh Toda, có lẽ là do muối trên hồ được gió thổi tới mà thành). Những nếp nhăn ấy hãy còn kéo dài tận đến những chân núi ngoài xa. Núi ở phía đó cái nào cũng nằm phủ phục như lạc đà quì gối. Nếu có ngọn trông tựa như sọ người thì có ngọn mang hình thù giống hệt đám rế cây bị mưa gió xói mòn làm cho mục rã. Đó là chưa kể những ngọn núi khiến ta liên tưởng đến mấy đồng xương thú đã khô hết. Nếu là mùa hè khi mặt trời chiếu khốc liệt lên cả khu đồng vắng và những ngọn núi vây quanh, có lẽ ấn tượng nhận được từ chúng sẽ còn mạnh hơn một bậc. Tuy vậy, dưới cái nắng một buổi xế trưa như thế này thôi, tôi đã có cảm tưởng là cả khu biển hồ, đồng vắng cũng như núi non ở đây đều khô cằn và già cỗi. Từ biển hồ, từ đồng vắng cũng như từ núi non, đâu đâu tôi cũng chỉ ngửi thấy cái mùi của sự chết chóc.

Nghe tôi kể lại ấn tượng mình đang có, anh Toda chỉ lắc đầu:

- Mới mùa này thôi đó. Đợi đến hè, thử tới đây thì cậu sẽ biết!
- Cậu đã tới đây vào mùa hè rồi à?
- Có chứ. Lúc ấy, trời nóng kinh khủng. Tớ ngồi trên xe mà tưởng mình đang ở trong một cái lò luyện thép.

Toda đã mô tả hình ảnh của mùa hè trên đồng vắng của xứ Giu-Đê như sau: "*Vàng thái dương giống như một cái đĩa tròn cháy rực đến bạc trắng, đổ ánh sáng mãnh liệt lên cánh đồng hoang không chứa một chỗ nào, làm cho mặt đất nứt nẻ và còn như đang dọa dẫm sẽ bóc hết lớp da nâu phủ lên núi non và ghềnh đá*".

Tôi không khỏi thì thầm với Toda:

- Ngoài ra, nơi đây không còn gì khác hơn là cái mùi chết chóc như thế này cậu nhỉ?

Thì anh đáp ngay:

- Đúng vậy!

Tôi gật đầu:

- Một người mới đến đây lần đầu như tớ mà đã cảm được điều đó. Đúng như cậu nói, người sống được ở đây tất phải nuôi một mối căm thù nào đó kinh khủng lắm. Cùng lúc, kẻ ấy cũng phải biết khiếp sợ trước chư thần.
- Do đó mới có sự ra đời của các nhà tiên tri, mới có những giáo đoàn như Ku-mu-ran. Nhóm của Giảng cũng đã xuất hiện từ một lý do như thế đấy. Thần thánh ở nơi đây khi giận dữ, khi phán xét hay xử phạt đều rất mạnh bạo.

Trong đầu óc tôi, lần nữa lại hiện ra hình ảnh những nhà tiên tri quần thảo bằng da thô, ăn cào cào châu chấu và uống mật ong rừng. Họ đã tập hợp quần chúng trong đồng vắng và cao giọng hô hào... Thế rồi những kẻ nghe được "tiếng gọi trong đồng vắng", câu nói thấy chép trong Kinh Thánh [12], có lẽ vì tin rằng ngày tận thế sắp đến nên đã vào trong đồng vắng để có thể chứng kiến quang cảnh thế lương đó bằng đôi mắt của mình. Muốn hiểu được cơn thịnh nộ của thần thánh, chỉ cần ngửa mặt lên không trung nhìn vàng thái dương đang rực cháy đến bạc trắng.

- Đó là một thế giới mà người Nhật chúng mình không thể nào sống nổi.
- Sao vậy?

Tôi mới trả lời:

- Vì tớ đã cảm thấy từ ban nãy là ở một chỗ như nơi đây hoàn toàn không có tình yêu hay sự dịu dàng nào dành cho con người cả!

\*\*\*

Chữ "dịu dàng" tôi định thốt ra thành lời không đến từ một sự suy nghĩ sâu sắc chi cho lắm nên nó – giống như một cánh diều bị vướng vào sợi giây điện – đã nán lại bên trong đầu tôi.

Phong cảnh thiếu vắng sự dịu dàng của khu đồng vắng vẫn còn tiếp diễn ngay cả khi mặt trời gác bóng. Một lần nữa, chúng tôi lại leo lên xe đi về hướng lưu vực sông Giô-Đanh, nơi xưa kia Giảng tụ tập quần chúng để làm phép rửa tội. Lúc bấy giờ mặt trời bắt đầu chìm xuống nhưng bằng một tốc độ cực kỳ nhanh đến mức tôi phải giật mình. Bóng tối trùm lên hết khu đồng vắng. Tuy vậy, mặt đất vẫn còn nóng hầm hập, trên trời một vàng rắng đỏ màu tươi rói đang hiện ra như muốn dự báo sức nóng của ngày mai. Ở phía Đông, ngọn núi mang cái màu của một xác động vật chết khô đang mất dần sinh khí rồi biến thành xám chì. Quay đầu nhìn lại, tôi chỉ thấy một Biển Chết đang nằm bất động như vừa trút hết hơi tàn để rồi trả tất cả về cho yên tĩnh.

- Thử hỏi Giê-su muốn gì khi tìm đến một nơi mà chỉ có những cơn thịnh nộ của thần thánh với các giáo đoàn sống với sự kiêng sợ các ngài như ở đây?

Thấy tôi vô tình lầm bầm trên môi câu hỏi đó, Toda vừa nắm tay lái, vừa quay sang đáp trả với một thái độ như châm biếm:

- Cậu vừa nói về sự dịu dàng (yasashisa) dành cho loài người, đấy phỏng?

Thế rồi đột nhiên mặt anh trở nên ngượng ngịu:

- Tóm lại là Giê-su không thể chấp nhận thứ tín ngưỡng của vùng đồng vắng và hình ảnh vị tôn thần đã ban phát những giới luật như kiểu luật Torah. Có lẽ ông đã đến tận nơi để tìm xem vị tôn thần mà người ta đang dạy dỗ đó là ai mà chỉ biết nổi giận, xét xử và trừng phạt.
- Chuyện Giê-su từ bỏ giáo đoàn của Giảng cũng vì lý do ấy à?

Chỉ nhìn thái độ ngượng ngịu của anh, tôi biết ngay Toda sẽ bối rối nếu phải thốt ra hai tiếng "tình yêu" (ai). Ngay một kẻ như tôi mà cũng đã thừa hiểu là "tình yêu" không chỉ gói gọn trong mỗi hành động ôm ấp đàn bà. Thế nhưng ở nhà thờ, khi nghe các vị linh mục đứng trên bục giảng dùng các từ ngữ như "tình yêu" (ai) hay "tình nhân loại" (ningen'ai), tôi luôn luôn có một tình cảm khó chịu như đang nghe tiếng kim loại cắt xước lên mảnh kính. Khi chứng kiến các bà nữ tu bàn về "tình yêu" một cách hời hợt, lúc nào tôi cũng cố ghìm lại để khỏi nói với họ một câu khích bác như "*Các sơ đã ngủ với anh đàn ông nào chưa mà lại biết?*"

- Gì thế cậu?

Toda nói như đã đánh hơi được điều tôi đang nghĩ.

- Không phải thế sao? Trường hợp Giê-su chắc cũng vậy...
- Không đâu. Tớ đang nhớ ra một chuyện. Vì "Chuột Nhắt" bám riết Muroto để giảng về "Tình yêu của Thiên Chúa" nên hắn đâm ra bực mình và đã nói lầy rằng "Nếu Giê-su là một người hôi nách thì tình yêu của ông cũng có cái mùi hôi nách ấy"..
- Thật ấy nhỉ!

Toda lại cười khẩy:

- Mỗi khi bọn người trong giáo hội bàn về "tình yêu" thì như có cái mùi khó chịu như mùi hôi nách thoang thoảng chung quanh...

Tôi lại nhớ ra một chuyện khác. Đạo ấy, chúng tôi vừa thi xong và kể từ hôm sau sẽ bắt đầu bước vào dịp nghỉ Đông. Đã thấy bóng "Chuột Nhắt" đứng bên cạnh bảng yết thị trong sân trường để phát cho đám sinh viên những tờ rơi để quảng cáo cho một cuộc tập hợp mừng Lễ Giáng Sinh (Christmas Eve). Những tờ rơi ấy

được in trên giấy và có đề cập đến những tiết mục như hợp xướng và giảng đạo thể nhưng ở trên cùng lại có một dòng chữ viết tay thô vụng "Chúa là Tình Yêu" có lẽ là bút tích của chính "Chuột Nhắt". Bọn sinh viên sau khi ra đến một chỗ không còn thấy bóng ông, đã bắt đầu vứt chúng. Ngay gần cổng ra vào của nhà trường cũng thấy năm sáu tờ như thế rơi trên mặt đất. Chỗ có hàng chữ "Chúa là Tình Yêu" đã dính đầy bùn vì có bao nhiêu đôi giày sinh viên dẫm lên trên. Bọn chúng tôi, mỗi ngày thân thể mệt mỏi, rã rời vì những buổi huấn luyện quân sự học đường hay đi làm dân công trong các quân xưởng thì còn tha thiết gì với "Tình yêu của Chúa". Thay cho tình cảm thiêng liêng ấy, một bát cháo độn để lấp đầy cái bụng đói meo là tất cả hạnh phúc chúng tôi đang mong đợi.

"Chuột Nhắt" không hề hay biết là bọn sinh viên đang cười khẩy sau lưng mình, vẫn tiếp tục đi phát những tờ rơi nói về tình yêu của Thượng Đế đối với loài người. Đã vậy mà "Chuột Nhắt" còn là người bị dồn đại có một bộ phận cần thiết để làm tình (sexe) – hành động chứng thực cho tình yêu giữa con người – chỉ bé bằng hạt đậu! Không hiểu sao mà trong đầu tôi, cái mặt méo xệch dờ khóc dờ cười của "Chuột Nhắt" lại in trùng lên khuôn mặt của Giê-su lúc ngài ở trong đồng vắng.

Tôi vô tình lẩm bẩm:

- Có lẽ Giê-su đã bị thiên hạ rẻ rúng hay sao ấy.
- Đúng thế đấy cậu.

Anh Toda nghiêm nét mặt và gật đầu nói tiếp:

- Nếu đọc những tài liệu nói về Giảng thì mới biết là sau này Giê-su đã bị giáo đoàn này khinh thị. Bởi các giáo đoàn trong đồng vắng đều cảm thấy bất lực trong mục đích thực hiện lòng nhân ái. Vì lẽ đó, họ mới tìm cách kết hợp quần chúng bằng cái tình cảm liên đới nảy sinh giữa những người cùng có chung sự sợ hãi và lòng thù hận.
- Theo anh, các giáo đoàn đã nhìn Giê-su với ánh mắt như thế nào?
- Có lẽ họ coi ông là một kẻ không đủ năng lực để sống còn.

Tôi đưa mắt đảo quanh khu đồng vắng trong ánh hoàng hôn, giờ đây đã xám một màu chì và ngẫm nghĩ. Giống như câu chuyện nói về cảnh đối đầu giữa Giê-su và quỷ sứ mà Kinh Thánh đã chép lại, trong đó bao lần quỷ sứ đã bức bách Giê-su thi thử năng lực của mình. "Người hãy cho ta thấy cái tài biến đá thành bánh mì đi! Người hãy cho ta thấy khả năng bay từ trên nóc Đền Thần xuống đất đi!". Dù bị khiêu khích đến thế, Giê-su vẫn chưa bao giờ chịu thi thử năng lực mà chỉ một mực lắc đầu. Câu chuyện vừa kể dường như đã rập khuôn với cách đánh giá của Toda, nghĩa là chứng minh cho việc giữ vững lập trường của Giê-su như một người không có năng lực sinh hoạt khi ông phải đối mặt với những giáo đoàn trong đồng vắng.

Giờ đây bóng đêm đã bao trùm hết bờ bên kia của Biển Chết, nơi giáp giới nước Jordan. Đối với một người từng quen ngắm bầu trời của thành phố Tôkyô thì đây là một bầu trời đầy sao sáng mà đã lâu tôi chưa có dịp nhìn. Tôi chợt nhớ lại ngọn đồi nơi có tòa thành đồ sộ của giáo phái Ku-mu-ran và thầm nghĩ chắc nơi đó nay cũng chỉ còn mỗi tiếng gió gào.

- Mình đi nhé?

Toda nhấn ga cho xe chạy nhanh hơn.

- Đi những đâu?
- Thì Kibbutz Rodebal chứ đâu! Không phải cậu đang muốn gặp những thành viên thoát chết từ trại tập trung Gerzen hay sao?
- Hay là cậu đổi tay bánh cho tôi? Với con đường như thế này, tôi nghĩ mình có thể lái được.

Tôi đề nghị với anh Toda khi thấy anh vừa bắt đầu ngáp thì anh đã bảo:

- Còn được mà cậu. Thay vào đó, cậu nhắm mắt nghỉ chút xíu đi. Buồn ngủ rồi chứ gì?
- Ừ, có buồn ngủ một chút. Hai đứa mình đều già hết rồi.

Tôi nhắm mắt và thả hồn vào trong tiếng động cơ xe và nghĩ rằng khu vực đồng vắng này phải là nơi Chúa Giê-su từng in dấu chân. Khi hình dung trong đầu quang cảnh đoàn người đi theo Chúa đang lê bước trên con đường của cuộc hành trình đưa họ về hướng Jericho và El Salem, tôi lại chợt nhớ đến bản thảo cuốn "Người môn đồ thứ mười ba" mà tôi hãy còn dúi vào sâu trong một góc ngăn kéo. Nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết đó của tôi là một gã đàn ông sún răng, hay nói những chuyện gian dối đầu cua tai nheo và cũng theo sau lưng Chúa Giê-su từng bước trong đồng vắng như một cái bóng không rời. Hắn cũng hay lầu bầu để bày tỏ sự bất bình. Thế rồi không biết tự lúc nào, khuôn mặt của anh chàng sún răng kia đã biến thành khuôn mặt

của "Chuột Nhắt", mang theo cả thái độ đạo đức giả của ông ta khi viết câu "Chúa là Tình Yêu" lên những tờ quảng cáo phát cho sinh viên....

Đôi khi tôi chợt mở mắt vì chấn động của máy xe. Lấn vào trong cái mệt mỏi đã ru tôi vào giấc ngủ là cảnh tượng một kỳ thi tiếng Đức trên hai mươi năm về trước. Hôm ấy, may mắn là vị giáo sư nổi tiếng dữ dằn lại bị ốm nên "Chuột Nhắt" đã xuất hiện trong phòng thi thay vào chỗ ông ta và điều đó đã khiến cho đám sinh viên nhón nháo lên và huyết sáo vì vui mừng. Chúng tôi đã đưa mắt làm hiệu cho nhau vì cứ nghĩ rằng nếu giám thị là "Chuột Nhắt" thì ta có thể tha hồ gian lận mà chẳng có gì phải sợ.

- Chúng em có thể mở từ điển không ạ?. Chuyện này xưa nay vẫn được các thầy cho phép mà! Có anh bạn nào đó vừa cố tình cất cái giọng kèo nèo để hỏi nhưng ông thầy dòng với bộ mặt dờ khóc dờ cười này đã lắc đầu.

Trong lúc chúng tôi đang chép câu trả lời cho bài thi, "Chuột Nhắt" đặt lưng xuống ghế và đưa mắt lơ đãng nhìn ra ngoài cửa sổ. Ngay cả khi một vài sinh viên lén lút mở cuốn sách giáo khoa có in những câu văn đã dịch sẵn rồi bảo giúp nhau, dường như ông ta cũng chẳng buồn để ý. Bên ngoài cửa lớp có một bức tường xây lên sát bên. Trên bức tường, một con mèo đang nằm sải người ra ngủ và có lẽ ông thầy dòng đang ngồi ngắm nó. Thế nhưng khi tôi vừa lật mấy trang sách giáo khoa ra và chép được một số câu vào trong đáp án thì bóng con mèo đang nằm dài trên bức tường bỗng từ từ biến đi đâu mất. Cùng lúc, tiếng chuông báo giờ thi đã hết chợt vang lên.

"Chuột Nhắt" khi ấy đã quay mặt về phía chúng tôi, đưa cặp mắt dáo dác nhìn khắp mọi người một lượt. Mọi người vừa dẩu xong từ điển và sách giáo khoa. Có ai đó nói:

- Xong hết trơn rồi mà!

làm cho cả bọn vừa tủm tỉm cười vừa như tranh giành nhau để rời khỏi phòng thi. Ngày hôm sau, đã thấy phòng giáo vụ niêm yết một tấm yết thị. Trên đó có ghi danh sách của một vài anh đã giở trò gian lận trong buổi thi và bọn họ đều bị bắt lên trình diện ở phòng giáo vụ. Thì ra "Chuột Nhắt" đã giả vờ không thèm chú ý tới ai, làm lơ cho chúng tôi mặc tình gian lận, nhưng dù vậy, cuối cùng ông ta cũng đã thậm thụt báo tin cho giáo sư chủ nhiệm biết về những hành vi đó. Và chúng tôi kháo với nhau:

- Tên này nham hiểm dữ, thật không đáng mặt đàn ông!

Sau lần đó, mỗi khi gặp nhau, "Chuột Nhắt" chỉ giương đôi mắt đỏ như sừng tấy đỏ nhìn chúng tôi với bộ mặt vô can.

\*\*\*

Lúc tôi bừng mở mắt vì cái mùi ẩm thấp của dải bình nguyên thì bên cạnh tôi cái bóng đen của anh Toda vẫn còn nguyên đó, hai bàn tay đang giữ rít tay lái, điều khiển chiếc xe lao ra đường trước. Chẳng bao lâu chúng tôi đã để lại phong cảnh cánh đồng vắng sau lưng, hai bên đường lúc này chỉ còn những ruộng mía bạt ngàn đang trải ra dưới trời đêm. Lá mía chạm vào nhau phát ra những tiếng kêu xào xạc vui tai. Nhìn cảnh hoàng hôn bên ngoài cửa sổ đang mở để cho ngọn gió mát tự do lùa vào trong xe, tôi có cảm tưởng như cái cảnh nóng nực vừa xảy ra ban ngày chỉ là một chuyện khó tin. Phía xa xa tôi lại thấy có một dãy đèn đóm đang xếp thành hàng và từ nơi đó vọng lại tiếng chó sủa.

Rốt cuộc thì những cột rào màu trắng của các khu vườn cây quả đang chìm trong bóng đêm đã chập chờn hiện ra trong tầm mắt chúng tôi. Hàng cây long não cổ thụ trồng ở một bên đường không biết sẽ kéo dài đến mãi đâu. Thế nhưng tôi biết ngay rằng gần cuối con đường này sẽ có cái nông trường tập thể cũng là làng chiến đấu mà chúng tôi đã dự định đến. Tiếng chó sủa mỗi lúc càng nghe rõ hơn và ánh đèn nhà dân đã bắt đầu lập lờ giữa những khóm cây. Đến lúc anh Toda nhả ga để bớt tốc độ thì đường trước mặt, đã thấy bóng hai thanh niên đang đưa tay lên chặn chúng tôi lại. Tuy mặc đồ làm việc ngoài đồng nhưng trên vai họ đều đeo súng.

Hình như họ đã hiểu lời anh Toda trình bày nên sau khi xuống xe, chúng tôi được một trong hai người hướng dẫn vào khu nông trường. Tôi thấy có rất nhiều ngôi nhà treo đèn bên hiên sáng choang đang nằm chen giữa những rặng cây vả (hay sung, suzukake) và long não (yuukari) thân to, rần rỏi. Tôi thấy có vài gia đình đang ra hóng mát bên ngoài và một người đàn ông đang nằm trên ghế xích đu phi phà ổng vó. Tôi bèn nhắm mắt lại để hít cho đầy lồng ngực mùi hương hoa cỏ đang thoảng đến từ dải bình nguyên khoáng đãng.

- Đúng là cái mùi của cuộc sống đấy, cậu nhỉ?

Phong cảnh hoang vu và thê lương của vùng đồng vắng vừa mới đi qua cách đây chỉ có hai giờ hãy còn đọng dưới rèm mi tôi. Tuy cái lồi cuốn tôi là một xứ Israel của thời đại trong Kinh Thánh chứ không phải đất nước Israel hiện tại nhưng sau chuyến viếng thăm nửa ngày trời trong đồng vắng, một nơi không có mấy may sự sống, nên khi ngắm cảnh một người đàn ông đang phì phà ống vố và bên tai vọng lại tiếng cười của lũ trẻ, tôi đã thấy tâm hồn mình yên ổn trở lại.

- Nhưng Kibbutz này cũng nằm sát biên giới đấy nhé!

Anh Toda hất cằm về hướng người thanh niên đang bước trong im lặng ở đằng trước như muốn ra hiệu cho tôi. "Họ bảo bất cứ lúc nào nơi đây cũng có thể bị bộ đội Jordan tấn công đấy!"

- Thế họ có dàn xếp cho mình gặp không?

- Gặp ai cơ?

- Thì mấy người còn sống sót từ trại tập trung Gerzen ấy mà!

- A a...Hầu như phải đến phân nửa những người cao tuổi sống ở đây đều đến từ trại Gerzen cậu ạ.

Người thanh niên đằng trước đôi khi xốc lại cây súng trên vai và dừng chân để giải thích cho chúng tôi nghe tòa nhà nào trong Kibbutz là nơi ăn uống tập thể, nơi nào là chỗ giữ trẻ, hay phía bên kia đâu là chỗ dùng làm hội trường nhóm họp....Dù không hiểu được tiếng Hê-bơ-rơ nhưng qua âm thanh và bộ điệu của anh, tôi vẫn có thể đoán được là anh đang trình bày cho chúng tôi về cuộc sống trong Kibbutz này với niềm tự hào. Thế nhưng tôi lại nghĩ không biết thế nào là cảm tưởng của những người Do Thái được cứu thoát khỏi trại tập trung Gerzen đối với cuộc sống mới tại nơi đây. Hai bên cùng là môi trường sinh hoạt tập thể và lao động tập thể, có điều là trong trại tập trung thì dĩ nhiên làm gì có nhà giữ trẻ, không người được hưởng hoa cỏ thoảng lại từ dải bình nguyên cũng như được nghe tiếng lá reo nhẹ nhàng trong những chòm cây vả. Ngay bên hội trường, tôi nghe có tiếng ai chơi đàn ghi-ta. Năm sáu thanh niên đang ngồi hay nằm dài trên bãi cỏ, lắng tai nghe một anh bạn trẻ trong nhóm đang dạo phím. Khi đi ngang gần bọn họ, tôi nghe có tiếng chào "Shalom!" và những ánh mắt nhìn về phía chúng tôi bày tỏ sự thân thiện. Biết đâu họ chẳng nghĩ rằng chúng tôi là những thành viên sắp sửa nhập cư vì Kibbutz này cũng chấp nhận cả tình nguyện viên ngoại quốc đến làm việc.

Người thanh niên dẫn đường dừng chân trước một căn nhà trệt, nhỏ bé và làm bằng gỗ, trông giống như cái băng-ga-lô (bungalow). Anh đi trước vào trong rồi sau khi thương lượng một lúc thì chẳng bao lâu, cánh cửa bên ngoài đã mở, một người đàn bà cao tuổi với mái tóc trắng như bông, sống mũi cao, tướng mạo có nhiều nét Do Thái, đã tươi cười bước ra.

- Mời vào! Mời vào!

Tiếng Anh của bà có pha chút âm sắc tiếng Đức. Từ hàng hiên nơi treo cái đèn tù mù có một lũ thiêu thân đang bu quanh, bà đưa chúng tôi vào nhà. Nói là nhà chứ đó chỉ là một căn buồng vừa dùng làm phòng khách và phòng ngủ. Bên trong hãy thơm mùi cà phê còn đọng lại. Phía trên cái kệ gỗ kê chén bát bày biện ngăn nắp, tôi thấy có bức ảnh của một thiếu nữ mặc quân phục. Từ ngoài hành lang, anh thanh niên dẫn đường đưa một cánh tay lên vẫy chào chúng tôi rồi sửa cây súng lại cho ngay ngắn trước khi khuất dạng giữa những hàng cây vả nằm dưới màn đêm.

Một ông lão với vẻ mặt phúc hậu với cái đầu sói hiện ra từ sau lưng bà lão khi nãy. Bắt tay chúng tôi xong, ông tươi cười hỏi chúng tôi có muốn nhắm thử một chút rượu shê-ri (sherry) [13] chưng cất ngay tại Kibbutz này không. Khi ông rót rượu, tôi nhận thấy ngay là trên cánh tay của ông có thích một vết chàm với cái hình gì giống như mấy con số.

- Trong nhà tôi cũng có sản phẩm làm bên Nhật đấy!

Ông đưa tay chỉ cái đài ra-đi-ô bán dẫn hiệu Sony đang bày trên bàn ăn.

- Đồ tốt lắm đấy. Chạy ngon ơ.

Bà lão tóc trắng đến cạnh người chồng, cho chúng tôi biết mình chưa từng đi Nhật bao giờ nhưng cũng giữ độ dăm tám bưu thiếp có hình ảnh nước Nhật. Lúc nghe những âm thanh như Nikko, Kamakura, Kyushu trên môi bà với cách phát âm vụng về của một người không chuyên, tôi biết là bà đã cố gắng rất nhiều để bày tỏ thiện cảm của mình với chúng tôi. Tôi thử đoán tuổi của bà lão và nghĩ thầm lúc rời khỏi Gerzen, có lẽ bà mới chỉ ở lứa tuổi ngoài ba mươi. Tôi nhớ lại khuôn mặt của người đàn bà cùng độ tuổi như bà đang bế một đứa hài nhi đứng dưới một gốc cây trụi lá để chờ đến phiên mình bị đem ra xử bắn [14]. Nếu như người đàn bà đó còn sống đến hôm nay, có lẽ bà ta cũng đã đến lớp tuổi của bà lão...

- Đạo trước Kibbutz này cũng có hai người Nhật đến làm việc đó chứ!
- Thế ông bà có dịp nói chuyện với họ không?
- À không! Vì họ không nói được tiếng Hê-bơ-rơ lẫn tiếng Anh nên chúng tôi không có cơ hội nói chuyện. Chỉ nghe đồn là tính tình họ dễ mến nên giao du rất thân thiết với đám thanh niên trong Kibbutz.

Trong khi anh Toda đang dùng tiếng Hê-bơ-rơ để nói chuyện về nước Nhật và người Nhật với hai ông bà, tôi xin phép mượn nhà vệ sinh. Khi xoa lòng bàn tay bằng miếng xà phòng thô sơ mãi không ra bọt, đột nhiên cảnh tượng nơi chất đống những bọc giấy nhỏ màu hồng [15] từng thấy dưới ánh nền chập chờn trong Ngôi nhà lưu niệm ở El Salem (về tội ác chiến tranh đối với người Do Thái) lại hiện về dưới rèm mi của tôi. Lúc tôi từ nhà vệ sinh bước ra, hai vợ chồng ông lão và anh Toda hãy còn nói với nhau những chuyện gì gì đó bằng một ngôn ngữ mà tôi không nắm được...

Bàn tay cầm cốc rượu shê-ri có những con số thích bằng chàm của ông lão đang nằm ngay bên dưới ánh đèn hàng hiên nơi lũ thiêu thân bu quanh. Trên làn da đầy những sợi lông màu hạt dẻ của ông, tôi thấy mấy con số xâm lên bằng mực đang trải thành một vệt dài và nhỏ li ti chẳng khác nào một đám thiêu thân.

Hình như anh Toda đang lúng túng tìm khe hở trong câu chuyện đang nói để có thể đặt câu hỏi về trại tập trung Gerzen hộ tôi nhưng coi bộ ông bà lão vẫn không chịu đổi đề tài mà cứ bàn về nước Nhật và người Nhật, xem chừng họ thấy là nếu tránh nhắc kỷ niệm ngày xưa chắc có lẽ tốt hơn. Tuy nhiên, khi đến một chỗ câu chuyện bị ngắt quãng và một sự im lặng không thoải mái đang kéo theo thì chợt bà lão đặt một câu hỏi như đã có quyết tâm:

- Thế thì các ông muốn hỏi về ai trong trại tập trung?

Anh Toda bèn cho biết cái tên Kobalski của "Chuột Nhắt". Tôi thấy hai ông bà đưa mắt nhìn nhau rồi giữa hai người hình như đã có một cuộc trao đổi để hội ý thì phải. Cuối cùng, ông lão đã lắc đầu và trả lời một cách dứt khoát.

- Không! Không ạ! Chúng tôi không biết gì về ông đó hết!

Dịch ngày 16/2/2024

### Văn bản và thư mục tham khảo

- Endo Shusaku, Shikai no hotori, chương V của tuyển tập Shikai no hotori (Bên bờ Biển Chết, 1973), từ sách bỏ túi Shinchô Bunko, Nxb Shinchô, tái bản lần thứ 30, Tokyo, 2021, từ trang 124 đến 160. Nguyên tác Nhật ngữ.
- Tổng Hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) thực hiện, Kinh Thánh Tân Ước, Nhà xuất bản Tôn Giáo, Hà Nội, 2003.

---

[1] - Hay Nezumi. Tên trêu chọc của một ông thầy dòng người Ba Lan tên là Kobalski từng giúp việc ở Đại học J. (Jôchi, Sophia University) nơi Shusaku theo học trong chiến tranh. Ông này là một nhân vật tiêu biểu, đã xuất hiện nhiều lần trong các tác phẩm của văn hào.

[2] - "Những bạn hữu ngài nghe vậy bèn đến để cầm giữ ngài vì người ta nói ngài đã mất trí khôn" (Phúc âm theo Thánh Mác)

[3] - "Bởi chưng chính các anh em ngài không tin ngài". (Phúc âm theo Thánh Giăng)

[4] - Ý nói hình ảnh một gia đình thiêng liêng và gương mẫu gồm có 3 người là Chúa Giê-su và cha mẹ ngài, đến nay vẫn còn được truyền tụng, đắp thành tượng hay in trong sách báo.

[5] - Đèn thần đạo nổi tiếng ở trung tâm Tokyo, nơi có linh vị những chiến phạm trong Thế chiến, được xem như biểu tượng của chủ nghĩa ái quốc cực đoan.

[6] - Xem thêm về sự kiện này trong El Salem và các trước tác khác của Shusaku.

[7] - Cùng với phái Sa-do-ka-i (Sadducees) và phái Pha-ri-sa-i (Pharisaioi) là một trong tam đại giáo phái của đạo Do Thái. Đặc biệt là phái Êt-xê-nê (Essenes) này chủ trương mọi thứ tài vật đều là của chung và dạy một giới luật rất nghiêm khắc.

[8] - Ý nói nền tảng pháp luật của người Do Thái do Moi-se (Moises) truyền đạt từ Đấng Yê-Hô-Va (Yahve) và đã được ghi lại trong năm quyển sách đầu tiên của Cựu Ước (Old Testament).

[9] - Các bản Kinh Thánh Việt dịch trong tầm tay của dịch giả đều chưa âm là Pha-ri-si và xem họ như là những kẻ dối trá (giả hình).

[10] - Tư liệu gọi là Shikai bunsho (Tử Hải văn thư) hay Shikai shahon (Tử Hải tả bản), tiếng Anh là The Dead Sea Scrolls, đã được tìm ra trong hang động bên cạnh tu viện phái Qumran ở vùng bờ tây bắc Biển Chết vào khoảng năm 1947 và vài dịp khác sau đó. Nó được giám định là có liên quan đến Kinh Thánh Cựu Ước cũng như hoạt động của hệ phái Êt-xê-nê đạo Do Thái vào khoảng thời gian từ năm 125TCN đến 68 sau Công nguyên.

[11] - Độ mặn của muối (salinity) ở Biển Chết được biết là cao nhất thế giới tức khoảng 34% so với nước nghĩa là nhiều gấp 10 lần các đại dương như Thái Bình Dương hay Đại Tây Dương nên có sức đẩy từ bên dưới rất cao.

[12] - Trong Phúc âm theo Thánh Mác, đoạn 3 câu 3 có đề cập đến công việc của Giăng Báp-tít: "Có tiếng kêu trong đồng vắng. Hãy dọn đường cho Chúa. Ban bằng các nẻo Ngài"

[13] - Một loại rượu vang màu nâu đỏ, gốc Tây Ban Nha, vị ngọt nhưng vì độ cồn cao nên dễ say.

[14] - Một nhân vật thấy trong chương III của trường thiên Bên Bờ Biển Chết.

[15] - Chi tiết cũng thấy trong chương III. Đó là những bọc giấy đựng một loại xà phòng mà bè đảng Nazi đã làm bằng mỡ lấy ra từ xác của người Do Thái bị chúng giết.